

MỐI QUAN HỆ GIỮA LẠM PHÁT, TỶ GIÁ THỰC VÀ CÁN CÂN THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM VÀ NHẬT BẢN

● NGUYỄN THỊ HOÀNG AN¹ - HOÀNG TIẾN ĐẠT¹
- NGUYỄN THỊ HẢO¹ - LỘC THÚY NGÂN¹ - TỪ THỊ MINH TÂM¹

¹Đại học Kinh tế Quốc dân

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu phân tích mối liên hệ giữa lạm phát tại Nhật Bản, tỷ giá thực JPY/VND và cán cân thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản. Kết quả cho thấy, trong dài hạn, lạm phát tại Nhật Bản làm giảm tỷ giá thực JPY/VND; trong ngắn hạn, lạm phát của Nhật Bản có tác động tiêu cực đến cán cân thương mại giữa 2 nước, trong khi tỷ giá thực JPY/VND lại có ảnh hưởng tích cực đến cán cân thương mại Việt Nam - Nhật Bản. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị điều chỉnh chính sách tỷ giá và chuyển dịch cấu trúc xuất khẩu.

Từ khóa: cán cân thương mại, lạm phát, tỷ giá thực, Việt Nam, Nhật Bản.

1. Đặt vấn đề

Dưới tác động hậu Covid-19 và xung đột địa chính trị, lạm phát trở thành vấn đề kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng đến tỷ giá thực và cán cân thương mại. Nhật Bản - đối tác thương mại lớn của Việt Nam đang chịu áp lực lạm phát cao, làm biến động tỷ giá JPY/VND và tác động đến thương mại song phương. Do đó, nghiên cứu mối quan hệ giữa lạm phát, tỷ giá thực và cán cân thương mại Việt Nam - Nhật Bản là cần thiết.

Năm 2022, Nhật Bản ghi nhận lạm phát 3,5% - mức cao nhất trong 3 thập kỷ, do giá năng lượng và hàng hóa nhập khẩu tăng. Chính sách tiền tệ nới lỏng với lãi suất âm -0,1% khiến đồng Yên mất giá 15% so với USD, ảnh hưởng đến thương mại với Việt Nam. Năm 2023, kim ngạch thương mại 2 nước đạt gần 50 tỷ USD, tập trung vào máy móc, điện tử, dệt may, thủy sản. Quan hệ đối tác chiến lược và Hiệp định CPTPP tiếp tục thúc đẩy hợp tác kinh tế.

Trước thực trạng trên, nghiên cứu này xem xét tác động của lạm phát ở Nhật Bản và biến động tỷ giá JPY/VND đến cán cân thương mại Việt Nam - Nhật Bản trong những năm gần đây. Kết quả nghiên cứu không chỉ cung cấp căn cứ cho các chính sách kinh tế vĩ mô, mà còn giúp doanh nghiệp xuất nhập khẩu và tài chính có cái nhìn sâu sắc hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng mô hình ARDL (Autoregressive Distributed Lag) kết hợp với cơ chế hiệu chỉnh sai số (ECM - Error Correction Mechanism) nhằm đánh giá tác động ngắn hạn và dài hạn của lạm phát Nhật Bản, tỷ giá thực JPY/VND và cán cân thương mại song phương Việt Nam - Nhật Bản. Quá trình nghiên cứu bao gồm thu thập số liệu, xử lý dữ liệu và ước lượng mô hình, đồng thời dựa trên lý thuyết kinh tế vĩ mô để xây dựng giả thuyết nghiên cứu. (Hình 1)

Trên cơ sở lý thuyết của sức mua tương đối

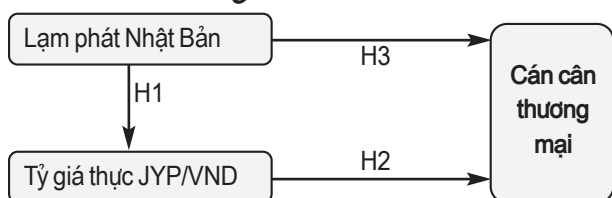
(PPP) và hiện tượng hiệu ứng J-curve, đề tài đặt ra 3 giả thuyết nghiên cứu, nhằm kiểm định tác động của lạm phát và tỷ giá thực đối với cán cân thương mại song phương:

Giả thuyết (H1): Lạm phát tại Nhật Bản có tác động ngược chiều đến tỷ giá JPY/VND.

Giả thuyết (H2): Tỷ giá thực JPY/VND có tác động thuận chiều đến cán cân thương mại Việt Nam - Nhật Bản.

Giả thuyết (H3): Lạm phát có tác động ngược chiều đến cán cân thương mại.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Nhóm tác giả phát triển

Dựa trên các giả thuyết được đề xuất, các mô hình kinh tế lượng được xây dựng như sau:

Mô hình 1: Tác động của lạm phát tại Nhật Bản (INFJ) đến tỷ giá thực JPY/VND (REER):

$$REER = f(INFJ)$$

Mô hình 2: Tác động đồng thời của lạm phát tại Nhật Bản (INFJ) và tỷ giá thực JPY/VND (REER) đến cán cân thương mại Việt Nam - Nhật Bản (TB):

$$TB = f(INFJ, REER)$$

Trong đó, cán cân thương mại -TB là biến phụ thuộc, đại diện cho sự chênh lệch giữa giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam đối với Nhật Bản, đơn vị tính: nghìn USD. Biến Chỉ số tỷ lệ hối đoái thực giữa Nhật Bản và Việt Nam - REER là một biến độc lập trong nghiên cứu, phản ánh tỷ lệ hối đoái thực giữa đồng Yên Nhật (JPY) và đồng Việt Nam (VND), với năm cơ sở = 100. Biến lạm phát - INFJ trong nghiên cứu này là biến độc lập, được đo lường bởi chỉ số giá tiêu dùng (CPI), đại diện cho mức tăng giá hàng hóa và dịch vụ theo thời gian, đơn vị tính: %.

3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích ma trận tương quan cho thấy mối quan hệ giữa các biến trong mô hình phù hợp với lý thuyết kinh tế (Bảng 1). Cụ thể, tỷ giá thực (REER) và lạm phát Nhật Bản (INFJ) có tương quan nghịch nhẹ ($\rho = -0.1434$), phản ánh xu hướng

Bảng 1. Ma trận tương quan

	TB	REER	INFJ
TB	1.0000		
REER	0.0341	1.0000	
INFJ	0.0572	-0.1434	1.0000

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

tỷ giá thực VND/JPY giảm khi lạm phát tại Nhật Bản tăng. Điều này phù hợp với nguyên lý lạm phát cao làm suy giảm sức mua đồng tiền, ảnh hưởng đến tỷ giá thực. Đồng thời, cán cân thương mại (TB) có mối quan hệ dương với REER ($\rho = 0.0341$) và INFJ ($\rho = 0.0572$), cho thấy sự thay đổi của tỷ giá thực và lạm phát có thể tác động đến thương mại quốc tế.

Hơn nữa, do các hệ số tương quan không vượt quá 0.8 và giá trị VIF đều nhỏ hơn 3 (Bảng 2), mô hình không gặp vấn đề đa cộng tuyến hoàn hảo, đảm bảo độ tin cậy trong phân tích.

Bảng 2. Kiểm định VIF

Variable	VIF	1/VIF
INFJ	1.02	0.979427
REER	1.02	0.979427
Mean VIF	1.02	

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Kết quả tại Bảng 3 cho thấy $R^2 = 0.3973$ cho thấy lạm phát của Nhật Bản giải thích được 39.73% sự biến động của tỷ giá thực VND/JPY. R^2 không cao, nhưng đây là kết quả hợp lý, vì tỷ giá thực thường chịu tác động của nhiều yếu tố khác như chính sách tiền tệ, dòng vốn đầu tư, lãi suất.

Kết quả hồi quy ARDL cho thấy hệ số điều chỉnh sai số của biến REER ở độ trễ thứ nhất (-0.7316 , $p = 0.000$) là âm và có ý nghĩa thống kê cao, khẳng định sự tồn tại của một mối quan hệ cân bằng dài hạn và tốc độ điều chỉnh về trạng thái cân bằng diễn ra nhanh chóng. Trong dài hạn, lạm phát tại Nhật Bản có tác động tiêu cực đến tỷ giá thực JPY/VND (-4.6194 , $p = 0.063$), tuy nhiên mức ý nghĩa thống kê chưa đủ mạnh để khẳng định mối quan hệ này. Về tác động ngắn hạn, biến INFJ

Bảng 3. Kết quả hồi quy ARDL (1,1) - Mô hình 1

R-squared = 0.3973 307 Adj R-squared = 0.3869 Root MSE = 4.5988					
Variable		Coefficient	Std. Error	t-Statistic	P-value
Adjustment (ADJ)	dREER (L1)	-0.7316	0.0716	-10.22	0.000
Long Run (LR)	INFJ (L1)	-4.6194	2.4673	-1.87	0.063
Short Run (SR)	INFJ (D1)	1.0135	1.4429	0.70	0.483
	_cons	0.1556	0.3618	0.43	0.668

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

không có ảnh hưởng đáng kể đến REER (1.0135, $p = 0.483$). Hệ số tự do không có ý nghĩa thống kê (0.1556, $p = 0.668$), cho thấy không có bằng chứng về sự tồn tại của các yếu tố cố định ngoài mô hình. Nhìn chung, kết quả này cho thấy tồn tại một mối quan hệ giữa lạm phát tại Nhật Bản và tỷ giá thực JPY/VND, tác động này không đủ mạnh trong ngắn hạn và chỉ có ý nghĩa ở mức cận biên trong dài hạn.

Kết quả Bảng 4 cho thấy ARDL cho thấy 48.81% biến động cán cân thương mại Việt Nam - Nhật Bản được giải thích bởi tỷ giá thực VND/JPY và lạm phát Nhật Bản, trong khi 51.19% còn lại do các yếu tố khác. Hệ số điều chỉnh sai số của lnTB ở độ trễ thứ nhất (-0.4295, $p = 0.000$) có ý nghĩa thống kê cao, cho thấy sự tồn tại của một mối quan hệ cân bằng dài hạn, nhưng tốc độ điều chỉnh về trạng thái cân bằng chậm hơn so với tỷ giá thực

trong Mô hình 1. Trong dài hạn, tỷ giá thực không có ảnh hưởng đáng kể đến cán cân thương mại (-0.2239, $p = 0.628$), trong khi lạm phát tại Nhật Bản có tác động dương nhưng không có ý nghĩa thống kê (11.0212, $p = 0.235$). Điều này chỉ ra rằng sự biến động của tỷ giá và lạm phát tại Nhật không phải là yếu tố chính quyết định cán cân thương mại của Việt Nam trong dài hạn. Ở khía cạnh ngắn hạn, biến dREER có tác động dương và có ý nghĩa thống kê đối với cán cân thương mại (0.4039, $p = 0.014$), cho thấy sự mất giá của JPY/VND có thể giúp cải thiện cán cân thương mại trong giai đoạn đầu. Tuy nhiên, lạm phát tại Nhật Bản có tác động tiêu cực trong ngắn hạn (-5.3982, $p = 0.099$), nhưng chỉ có ý nghĩa thống kê ở mức cận biên. Ngoài ra, biến lnTB ở độ trễ thứ nhất có tác động tiêu cực mạnh mẽ đến chính nó trong ngắn hạn (-0.3794, $p = 0.000$), phản

Bảng 4. Kết quả hồi quy ARDL(2,1,1) - Mô hình 2

R-squared = 0.4881 Adj R-squared = 0.4701 Root MSE = 10.0415					
Variable		Coefficient	Std. Error	t-Statistic	P-value
Adjustment (ADJ)	lnTB (L1)	-0.4295	0.0830	-5.17	0.000
Long Run (LR)	dREER (L1)	-0.2239	0.4610	-0.49	0.628
	INFJ (L1)	11.0211	9.2438	1.19	0.235
Short Run (SR)	lnTB (LD)	-0.3794	0.0689	-5.50	0.000
	dREER (D1)	0.4039	0.1633	2.47	0.014
	INFJ (D1)	-5.3982	3.2550	-1.66	0.099
	_cons	-0.2547	0.7924	-0.32	0.748

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

ánh tính ổn định của cán cân thương mại qua thời gian. Kết quả này khẳng định trong ngắn hạn, sự mất giá của JPY/VND có thể hỗ trợ cán cân thương mại của Việt Nam, nhưng trong dài hạn, các yếu tố khác ngoài tỷ giá và lạm phát tại Nhật Bản có thể đóng vai trò quan trọng hơn trong việc quyết định xu hướng thương mại giữa 2 nước.

phát tại Nhật Bản (INFJ), tỷ giá thực (REER) và cán cân thương mại (TB) giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Giả thuyết H1 cho thấy lạm phát Nhật Bản có tác động ngược chiều đến tỷ giá JPY/VND trong dài hạn, với hệ số hồi quy âm (-4.6194) và ý nghĩa thống kê ở mức 10%. Điều này phù hợp với lý thuyết kinh tế vĩ mô khi lạm phát cao làm giảm sức

Bảng 5. Kết quả Bounds Test

Model	Statistic	Value	Critical Values (I(0))	Critical Values (I(1))	Conclusion
Model 1	F-statistic	52.917	4.04 - 6.84 (10%-1%)	4.78 - 7.84 (10%-1%)	Reject H0 (long-run relationship exists)
	t-statistic	-10.219	(-2.57) - (-3.43) (10%-1%)	(-2.91) - (-3.82) (10%-1%)	Reject H0 (long-run relationship exists)
Model 2	F-statistic	8.958	3.17 - 5.15 (10%-1%)	4.14 - 6.36 (10%-1%)	Reject H0 (long-run relationship exists)
	t-statistic	-5.175	(-2.57) - (-3.43) (10%-1%)	(-3.21) - (-4.10) (10%-1%)	Reject H0 (long-run relationship exists)

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Kết quả tại Bảng 5 đã khẳng định sự tồn tại của mối quan hệ dài hạn giữa các biến trong mô hình ARDL. Cụ thể, trong Mô hình 1, giá trị F-statistic (52.917) cao hơn ngưỡng tới hạn I(0) và I(1) ở mọi mức ý nghĩa, cùng với t-statistic (-10.219) thấp hơn đáng kể so với giá trị tới hạn nhỏ nhất, cho thấy tỷ giá thực JPY/VND và lạm phát Nhật Bản (INFJ) có sự đồng liên kết dài hạn. Dù có biến động ngắn hạn, hai biến số này vẫn duy trì trạng thái cân bằng và có cơ chế điều chỉnh khi sai lệch xảy ra. Tương tự, trong Mô hình 2, giá trị F-statistic (8.958) và t-statistic (-5.175) cũng vượt ngưỡng tới hạn, khẳng định cán cân thương mại (TB), tỷ giá thực (REER) và lạm phát Nhật Bản có quan hệ dài hạn. Khi các biến số lệch khỏi trạng thái cân bằng, cơ chế điều chỉnh sẽ giúp đưa chúng trở lại mức ổn định. Kết quả này nhấn mạnh vai trò quan trọng của tỷ giá thực và lạm phát Nhật Bản đối với thương mại song phương giữa Việt Nam và Nhật Bản.

4. Thảo luận kết quả nghiên cứu và hàm ý chính sách

Qua kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi đã xác nhận 3 giả thuyết chính về mối quan hệ giữa lạm

mua của đồng tiền. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, tác động này không đáng kể.

Giả thuyết H2 xác nhận mối quan hệ thuận chiều giữa tỷ giá JPY/VND và cán cân thương mại Việt Nam - Nhật Bản trong ngắn hạn, với hệ số hồi quy dương (0.4039) và ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Đồng JPY mất giá giúp tăng sức cạnh tranh hàng hóa Việt Nam, nhưng tác động dài hạn không rõ ràng do các yếu tố khác như chính sách thương mại và nhu cầu tiêu dùng.

Giả thuyết H3 cho thấy lạm phát Nhật Bản ảnh hưởng tiêu cực đến cán cân thương mại trong ngắn hạn (hệ số hồi quy -5.3982, ý nghĩa thống kê 10%), phản ánh sự sụt giảm sức mua của người tiêu dùng Nhật Bản. Tuy nhiên, tác động dài hạn không đáng kể, cho thấy các yếu tố khác như điều chỉnh thương mại và chính sách vĩ mô đóng vai trò quan trọng hơn.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị nhằm cải thiện cán cân thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản và điều chỉnh tỷ giá JPY/VND.

Để cải thiện cán cân thương mại, Việt Nam cần đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm có giá trị

gia tăng cao như linh kiện điện tử, dệt may và nông sản chế biến. Việc phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ sẽ giúp giảm phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu, tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường.

Về nhập khẩu, cần điều chỉnh cơ cấu, hạn chế hàng xa xỉ, kiểm soát chặt chẽ các giao dịch vay trả chậm và áp dụng các biện pháp phi thuế quan hợp lý như tiêu chuẩn kỹ thuật và kiểm dịch.

Để ổn định tỷ giá JPY/VND, Việt Nam cần tận dụng các hiệp định thương mại như VJFTA, CPTPP và RCEP nhằm thúc đẩy xuất khẩu. Đồng thời, cần có chính sách tiền tệ linh hoạt để kiểm soát cung - cầu JPY, can thiệp thị trường ngoại hối khi cần thiết, giúp doanh nghiệp thích ứng với biến động tỷ giá và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững.

5. Kết luận

Dựa trên kết quả nghiên cứu, trong số 3 giả thuyết đưa ra, cả 3 giả thuyết đều được ủng hộ, không có giả thuyết nào bị bác bỏ. Điểm quan trọng nhất trong nghiên cứu này là việc đã chứng minh được: (1) lạm phát tại Nhật Bản có tác động ngược chiều đến tỷ giá JPY/VND trong dài hạn; (2) tỷ giá thực JPY/VND ảnh hưởng thuận chiều đến cán cân thương mại Việt Nam - Nhật Bản trong ngắn hạn,

tuy nhiên nó không có ý nghĩa thống kê; (3) lạm phát tác động ngược chiều một cách có ý nghĩa thống kê lên cán cân thương mại trong ngắn hạn. Hơn nữa, dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả có thể khẳng định vai trò quan trọng của tỷ giá thực và lạm phát đối với cán cân thương mại song phương Việt Nam - Nhật Bản.

Mặc dù nghiên cứu đã cung cấp những kết quả có giá trị, vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, mô hình ARDL chỉ xem xét một số biến số kinh tế chính, trong khi cán cân thương mại còn chịu tác động từ nhiều yếu tố khác như chính sách thương mại, chuỗi cung ứng hay nhu cầu tiêu dùng tại Nhật Bản. Thứ hai, nghiên cứu dựa trên dữ liệu lịch sử, chưa tính đến tác động của các cú sốc kinh tế bất ngờ như đại dịch, khủng hoảng tài chính hoặc biến động chính trị, có thể ảnh hưởng mạnh đến tỷ giá và thương mại quốc tế. Cuối cùng, do giới hạn về dữ liệu và phương pháp, kết quả có thể chỉ phản ánh đặc thù của giai đoạn nghiên cứu. Để khắc phục, các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng phạm vi phân tích, bổ sung thêm biến số và áp dụng các mô hình kinh tế lượng hiện đại để đánh giá mối quan hệ giữa tỷ giá, lạm phát và cán cân thương mại một cách toàn diện hơn ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Mai Thị Cẩm Tú (2020). Phân tích các nhân tố tác động đến cán cân thương mại Việt Nam trong bối cảnh tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 4(1), 538-549.
- Tiên, N. V. T. (2018). Các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái tại Việt Nam. Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bahmani-Oskooee, M., Harvey, H., & Hegerty, S. W. (2017). The Japanese trade balance and asymmetric effects of yen fluctuations: Evidence using nonlinear methods. *The Journal of Economic Asymmetries*, 15, 56-63.
- Burçak Müge, T. V. (2016). Effect of real exchange rate on trade balance: Commodity level evidence from Turkish bilateral trade Data I. *Procedia Economics and Finance*, 38, 499-507.
- Dilanchiev, A. & Taktakishvili, T. (2022). Determinants of bilateral trade balance between Georgia and China. *Ekonomika*, 101(1), 6-19.
- Ho, T. T. (2023). The impacts of exchange rate volatility on bilateral trade balance between Vietnam and 5 major trading partners. *University of finance - marketing; academy of finance*.
- Khaliq, A. (2021). The the impact of COVID-19 on FinTech lending in Indonesia: Evidence from interrupted time series analysis. *Jurnal Ekonomi Kuantitatif Terapan*, 243.
- Linh, N. T. M., & Lien, N. T. K. (2020). The impact of real effective exchange rate volatility on trade balance in Vietnam. *Accounting*, 1167-1172.
- Nga, N. T. V. (2024). Effects of the Real Effective Exchange Rate Volatility on the Trade Balance, The Case of Vietnam for Sustainable Development Goals. *Journal of Lifestyle and SDGs Review*, 4(4), e02836.

Nhung, N. C., Anh, B. T., Hue, L. T., & Huyen, N. T. C. (2018). The Impact of Exchange Rate movements on Trade Balance between Vietnam and Japan: J Curve Effect test. *VNU Journal of Science: Economics and Business*, 34(2), 17-27.

Senhadji, A. S. (1998). Dynamics of the trade balance and the terms of trade in LDCs: The S-curve. *Journal of International Economics*, 46(1), 105-131.

Thi Xuan, T. D. (2018). Exchange rate and trade balance in Vietnam: A time series analysis. *Asian Economic and Financial Review*, 8(9), 1158-1174.

Tran, T. N., Nguyen, T. T., Nguyen, V. C., & Vu, T. T. H. (2020). Energy consumption, economic growth and trade balance in East Asia: a panel data approach. *International Journal of Energy Economics and Policy*, 10(4), 443-449.

Truong, L. D., & Van Vo, D. (2023). The asymmetric effects of exchange rate on trade balance of Vietnam. *Heliyon*, 9(4), e14455.

Tuyet Trinh, P. T. (2014). The Impact of Exchange Rate Fluctuation on Trade Balance in the Short and Long Run The Case of Vietnam. *Southeast Asian Economics*, 31(3), 432.

Ngày nhận bài: 10/1/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/1/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 12/1/2025

INFLATION, REAL EXCHANGE RATE, AND TRADE BALANCE: A CASE STUDY OF VIETNAM - JAPAN

● **NGUYEN THI HOANG AN¹**

● **HOANG TIEN DAT¹**

● **NGUYEN THI HAO¹**

● **LOC THUY NGAN¹**

● **TU THI MINH TAM¹**

¹National Economics University

ABSTRACT:

This study investigates the relationship between Japan's inflation, the real exchange rate (JPY/VND), and the trade balance between Vietnam and Japan. The findings indicate that, in the long term, rising inflation in Japan leads to a depreciation of the real exchange rate (JPY/VND). In the short term, Japanese inflation negatively affects the bilateral trade balance, whereas the real exchange rate exerts a positive influence on Vietnam–Japan trade performance. Based on these results, the study offers several policy recommendations aimed at improving exchange rate management and restructuring Vietnam's export portfolio to enhance trade outcomes with Japan.

Keywords: trade balance, inflation, real exchange rate, Vietnam, Japan.